| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN NHÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số:182/2019/DS-PT
Ngày:11-06-2019
V/v tranh chấp:"Hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương;**

*Các Thẩm phán*: Bà **Trần Thị Kim Em;**

Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh**-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Từ Thị Kỳ**-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 04 và ngày 11 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLPT- DS ngày 09 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 179/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2018).

2. Bị đơn:

2.1 Anh **Nguyễn Thanh K**, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2 Anh **Phan Văn Bình M**, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp I, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M là ông Cao Hoàng Ơ, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã L, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà **Phạm Thị Kim C** (Chín L) sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và đại diện theo ủy quyền của bà N là bà Lê Thị Bé N trình bày:**

Bà N làm đầu thảo của dây hụi mở ngày 15/6/2012 âm lịch, hụi mãn ngày 15/5/2014 âm lịch, hụi tiền mỗi phần là 2.000.000 đồng, gồm 24 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, trong dây hụi này anh K và anh M tham gia 01 phần. Khi hụi khui vào lần thứ 03 thì anh K và anh M bỏ thăm 510.000 đồng hốt hụi với số tiền 35.100.000 đồng. Bà N đã giao đủ cho anh K và anh M. Sau khi hốt hụi, anh K và anh M có đóng hụi chết 04 lần với số tiền 8.000.000 đồng, còn lại 17 kỳ với số tiền 34.000.000 đồng, anh K và anh M ngừng đóng hụi nên còn nợ bà N 34.000.000 đồng.

Ngoài ra vào tháng 12 năm 2012 âm lịch anh K còn vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, không có giấy tờ, khi vay thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả vốn. Tuy nhiên đến nay anh K vẫn chưa trả cho bà N. Do đó bà N yêu cầu anh K và anh M liên đới trả cho bà N số tiền 34.000.000 đồng tiền nợ hụi, tiền vay với vốn và lãi là 17.000.000 đồng (10.000.000 đồng tiền nợ gốc và 7.000.000 đồng tiền nợ lãi từ 12/2012 âm lịch cho đến nay: 70 tháng x 10.000.000 đồng x 1%/tháng là 7.000.000 đồng) thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn anh Nguyễn Thanh K trình bày:**

Vào năm 2012 âm lịch anh có trực tiếp mượn tiền của bà N là 10.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh chưa hoàn trả được. Nay bà N yêu

cầu anh trả tiền nợ gốc và lãi là 17.000.000 đồng anh không đồng ý, xin trả dần số tiền 10.000.000 đồng vì khi mượn tiền có hứa khi nào có tiền sẽ trả và không có thỏa thuận tính lãi suất.

Về hụi, anh K không thừa nhận vì anh không có ký kết hợp đồng hụi nào và không có ký tên vào giấy tờ gì liên quan đến hụi với bà N. Bà N không có giao tiền hụi cho anh K và anh cũng không có đóng hụi chết gì nên anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

**Bị đơn anh Phan Văn Bình M trình bày:**

Trước đây khi làm Công an xã B, anh và anh K có đi tuần tra giao thông chung với nhau ở trước nhà bà N. Anh M không biết là anh K có mượn tên anh chơi hụi, hốt hụi hay không, anh không có liên quan gì đến tiền hụi của bà N. Do đó bà N yêu cầu anh và anh K trả số tiền hụi là 34.000.000 đồng anh không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 471, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Thanh K.

Buộc anh Nguyễn Thanh K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N 10.000.000 đồng tiền nợ vay, thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng anh K còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Thanh K và anh Phan Văn Bình M về việc trả lại 34.000.000 đồng tiền nợ hụi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 30/11/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng: Buộc anh K và anh M liên đới trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 34.000.000 đồng. Yêu cầu anh K có nghĩa vụ trả cho bà tiền lãi chậm trả của số tiền 10.000.000 đồng theo lãi suất pháp luật qui định kể từ 12/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị Bé N đại diện cho bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Nguyễn Thanh K đồng ý trả số tiền vốn và lãi là 17.000.000 đồng cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn không có bổ sung chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đối với phần tiền hụi, nhân chứng cũng trình bày không biết số tiền hụi bà N giao anh K, anh M, anh K đồng ý trả cho bà N số tiền vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa một phần bản án số 179/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn Bình M, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M là ông Cao Hoàng Ơ có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh M, ông Ơ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà N khởi kiện anh K, anh M để tranh chấp đòi tiền nợ vay và nợ hụi. Căn cứ vào Điều 463, Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự nên quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi", thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N: Bà N yêu cầu anh K, anh M phải trả số tiền nợ hụi là 34.000.000 đồng, bà N cung cấp 01 danh sách hụi viên ngày 15/6/2012 (âm lịch), trong đó tại dòng thứ 6 ghi "K-Bình M

510 – 15/8". Anh K, anh M không thừa nhận có việc tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, không có giấy tờ gì để xác nhận anh K, anh M nhận tiền hụi và đóng hụi chết. Mặc dù những người làm chứng đều xác nhận anh K, anh M có tham gia chơi hụi và nhận tiền hụi ở nhà bà N nhưng không biết bao nhiêu tiền, tại tòa bà Lê Thị Bé N không có bổ sung chứng cứ nào chứng minh anh K, anh M nhận tiền hụi và đóng tiền hụi chết cho bà N. Do vậy yêu cầu kháng cáo này của bà N không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu anh K trả số tiền vay 10.000.000 đồng vốn và 7.000.000 đồng tiền lãi, theo mức lãi suất 1%/ tháng từ tháng 12/2012 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 70 tháng × 10.000.000 đồng × 1%/tháng = 7.000.000 đồng, tại tòa anh K đồng ý trả số tiền vốn và lãi trên cho bà N. Do đó yêu cầu này của bà N được chấp nhận.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa một phần bản án số 179/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà N được chấp nhận một phần nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 471, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa một phần bản án số 179/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Thanh K.

Buộc anh Nguyễn Thanh K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ vay là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và tiền lãi 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng anh K còn phải trả thêm phần tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Thanh K và anh Phan Văn Bình M về việc trả 34.000.000 đồng tiền nợ hụi.

[3] Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Thanh K phải chịu 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng, 425.000 đồng và 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 15892 ngày 16/8/2018; số 16027 ngày 28/9/2018 và số 16113 ngày 30/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, còn phải nộp 125.000 đồng (một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 ngày 11/6/2019, vắng mặt bà N, ông K, ông M, ông Ơ và Đại diện Viện kiểm sát.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Sâm Hương**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
| --- | --- |
| **Trần Thị Kim Em-Lâm Ngọc Tuyền** | **Nguyễn Thị Sâm Hương** |

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Sâm Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Em-Nguyễn Thị Sâm Hương** **Mai Hoàng Khải**